PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 60/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2010*

NGHỊ QUYẾT
Về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Tổ trưởng Tổ công tác chuyên trách cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Điều 1 và Điều 3 của Nghị quyết này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị bằng văn bản, gửi Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ về các luật, pháp lệnh, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính được Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Nghị quyết này.

Điều 3. Đối với những thủ tục hành chính được quy định trong luật, pháp lệnh cần phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo Phương án đơn giản hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ, trước ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị của Chính phủ về việc cho phép bổ sung dự án luật, pháp lệnh để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011, 2012 theo hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản và áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008.

Căn cứ chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được Quốc hội thông qua, giao Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thời hạn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành liên quan hoàn thành việc soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh nêu trên gửi Bộ Tư pháp tổng hợp thành văn bản chung để trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 4. Đối với những thủ tục hành chính được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo Phương án đơn giản hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam áp dụng hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành. Trường hợp cần áp dụng một văn bản để sửa một văn bản, giao Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, quyết định.

Điều 5. Giao Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các bộ, ngành, địa phương có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết này.

Điều 6. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ)

CÁC CHỮ VIẾT TẮT:

TCTD: Tổ chức tín dụng;

QTDNDTW: Quỹ tín dụng nhân dân trung ương;

QTDNDCS: Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở;

NHNN: Ngân hàng nhà nước.

Phần A

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC

I. HOẠT ĐỘNG TIỀN TỆ

1. Cấp mới (thu hồi) mã khóa truy cập, mã chữ ký điện tử tham gia nghiệp vụ chiết khấu giấy tờ có giá (B-NHA-005750-TT)

a) Hoàn thiện các quy định về thủ tục cấp mã khóa truy cập, mã chữ ký điện tử nghiệp vụ chiết khấu giấy tờ có giá tại Văn bản 7219/QN-NHNN ngày 06 tháng 8 năm 2008 và ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật phù hợp;

b) Bổ sung quy định thời hạn cấp mã khóa mã chữ ký điện tử là 02 ngày làm việc tiếp theo, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2. Tham gia nghiệp vụ chiết khấu giấy tờ có giá và giới thiệu mẫu chữ ký của người có thẩm quyền, người kiểm soát và giao dịch viên (B-NHA-005706-TT)

a) Bổ sung quy định thời hạn giải quyết thủ tục hành chính là 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định;

b) Bổ sung quy định quy trình nghiệp vụ về chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá.

3. Công nhận thành viên tham gia nghiệp vụ thị trường mở (B-NHA-002342-TT)

Hoàn thiện các quy định về thủ tục công nhận thành viên tham gia nghiệp vụ thị trường mở tại Văn bản số 10876/QT-NHNN ngày 12 tháng 12 năm 2008 và ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật phù hợp.

4. Cấp giấy phép công nhận thành viên tham gia đấu thầu trái phiếu Chính phủ (B-NHA-002348-TT)

Sửa đổi yêu cầu, điều kiện "có mức vốn pháp định tối thiểu là 20 tỷ đồng" theo hướng điều chỉnh mức vốn pháp định tối thiểu phù hợp với yêu cầu quản lý giai đoạn hiện nay.

II. HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI

5. Cấp giấy phép thành lập bàn đổi ngoại tệ của cá nhân (B-NHA-001843-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này (không cho phép cá nhân thành lập bàn thu, đổi ngoại tệ).

6. Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt áp dụng đối với tổ chức tín dụng (B-NHA-001877-TT)

a) Thay thế thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt bằng thủ tục Đăng ký xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ bằng tiền mặt;

b) Thực hiện phân cấp để Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thành phố Hà Nội tiếp nhận đăng ký cho các TCTD có trụ sở chính tại các tỉnh phía Bắc (từ Quảng Bình trở ra) và Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cho các TCTD có trụ sở chính tại các tỉnh phía Nam (từ Quảng Trị trở vào).

7. Các thủ tục về quản lý vay, trả nợ nước ngoài:

- Xác nhận đăng ký vay, trả nợ nước ngoài đối với khoản vay trung, dài hạn của doanh nghiệp nhà nước hoặc khoản vay của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước có giá trị trên 10 triệu đô la Mỹ (B-NHA-001956-TT);

- Xác nhận đăng ký vay, trả nợ nước ngoài đối với khoản vay trung, dài hạn của doanh nghiệp trên địa bàn không phải là doanh nghiệp nhà nước có giá trị đến 10 triệu đô la Mỹ (B-NHA-103351-TT);

- Xác nhận đăng ký thay đổi vay, trả nợ nước ngoài đối với khoản vay trung, dài hạn của doanh nghiệp nhà nước hoặc khoản vay của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước có giá trị trên 10 triệu đô la Mỹ (B-NHA-001994-TT);

- Xác nhận đăng ký thay đổi vay, trả nợ nước ngoài đối với khoản vay trung, dài hạn của doanh nghiệp trên địa bàn không phải là doanh nghiệp nhà nước có giá trị đến 10 triệu đô la Mỹ (B-NHA-103384-TT)

a) Quy định hướng dẫn quản lý ngoại hối đối với hoạt động vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp, trong đó việc đăng ký vay, trả nợ nước ngoài sẽ phân cấp

quản lý đối với mọi loại hình doanh nghiệp, không phân biệt doanh nghiệp nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác trên cơ sở phù hợp với Nghị định số 134/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2005 ban hành Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài và Quyết định số 272/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ đối với các khoản vay nước ngoài;

b) Quy định tên thủ tục hành chính, số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ; quy định rõ cách thức thực hiện: (nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến NHNN);

c) Phân cấp quản lý, mở rộng thẩm quyền của NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trong việc xác nhận đăng ký/đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của các doanh nghiệp trên địa bàn, không phân biệt loại hình (doanh nghiệp nhà nước với các loại hình khác) mà căn cứ vào giá trị khoản vay; quy định yêu cầu điều kiện; mẫu đơn, mẫu tờ khai đối với thủ tục xác nhận vay, trả nợ nước ngoài của tổ chức kinh tế thuộc khu vực công và tổ chức kinh tế thuộc khu vực tư nhân cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 134/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2005 ban hành Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài, Quyết định số 272/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2006.

8. Cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài đối với tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (B-NHA-001783-TT)

a) Quy định thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài (đối với tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 23 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 và điểm b khoản 1 Điều 31 Nghị định số 160/2006/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối;

b) Sửa đổi tên thủ tục hành chính phù hợp với quy định của văn bản hiện hành;

c) Quy định cụ thể thành phần hồ sơ, số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ; cách thức thực hiện (nộp trực tiếp, gửi qua bưu điện hoặc qua mạng Internet); mẫu đơn, mẫu tờ khai giải quyết thủ tục cấp Giấy phép mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài cho các đối tượng.

9. Cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài đối với người cư trú là cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, quỹ từ thiện của Việt Nam hoạt động tại Việt Nam (B-NHA-001797-TT)

Bổ sung quy định thủ tục Cấp phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài đối với người cư trú là cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức

chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, Quỹ từ thiện của Việt Nam hoạt động tại Việt Nam cho phù hợp với Pháp lệnh Ngoại hối 2005 và Nghị định số 160/2006/NĐ-CP của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Ngoại hối 2005.

10. Cấp giấy phép kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài (B-NHA-001676-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

11. Cấp giấy phép sản xuất vàng miếng (B-NHA-001498-TT)

a) Quy định cách thức thực hiện: nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện; mẫu hóa báo cáo nhà xưởng, máy móc, thiết bị và báo cáo cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật; quy định số bộ hồ sơ phải nộp (01 bộ);

b) Hướng dẫn yêu cầu, điều kiện phân theo quy mô sản xuất, loại hình sản phẩm, cụ thể đối với các điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị, cán bộ quản lý và thợ có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất vàng miếng.

12. Các thủ tục:

- Xác nhận đăng ký hoạt động cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường quốc tế đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng (B-NHA-103716-TT);

- Xác nhận đăng ký hoạt động cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước đối với tổ chức tín dụng ngân hàng (B-NHA-001695-TT);

- Xác nhận đăng ký hoạt động cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng (B-NHA-103703-TT);

- Xác nhận đăng ký hoạt động cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường quốc tế đối với tổ chức tín dụng ngân hàng (B-NHA-103649-TT).

a) Quy định cụ thể cách thức thực hiện: nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện; số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

b) Quy định chi tiết các yêu cầu điều kiện quy định tại Mục I, II, Chương 2, Thông tư số 03/2008/TT-NHNN ngày 11 tháng 4 năm 2008 sau đây:

- Điều kiện 2: "Có trang thiết bị và điều kiện vật chất đáp ứng được yêu cầu cung ứng các dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước";

- Điều kiện 3: "Đủ cán bộ có năng lực và am hiểu nghiệp vụ cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước".

13. Cấp giấy phép cho tổ chức kinh tế làm đại lý nhận và chi, trả ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép (B-NHA-001804-TT)

a) Thay thế thủ tục "Cấp phép nhận và chi, trả ngoại tệ" bằng thủ tục "Xác nhận đăng ký nhận và chi, trả ngoại tệ" cho TCTD được phép;

b) Quy định cụ thể về trình tự, thành phần hồ sơ xác nhận đăng ký để tổ chức kinh tế làm đại lý nhận và chi, trả ngoại tệ cho TCTD được phép và phân cấp để NHNN chi nhánh trên địa bàn thực hiện thủ tục xác nhận.

14. Cấp giấy phép mang tiền của nước có chung biên giới và đồng Việt Nam bằng tiền mặt ra nước ngoài (B-NHA-001849-TT)

a) Quy định cách thức thực hiện: nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố hoặc chi nhánh ngân hàng thương mại được NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố ủy quyền;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Quy định nộp "bản sao có chứng thực" đối với Giấy thông hành xuất nhập cảnh hoặc Giấy chứng minh biên giới trong thành phần hồ sơ cấp phép mang tiền của nước có chung biên giới hoặc đồng Việt Nam (bằng tiền mặt) ra nước ngoài.

15. Cấp Giấy phép thu Nhân dân tệ tiền mặt (B-NHA-001864-TT)

a) Phân cấp để Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các tỉnh, thành phố trên địa bàn có chung biên giới với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tiếp nhận và xử lý hồ sơ cho đối tượng là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bán hàng miễn thuế hoặc cung ứng dịch vụ dành riêng cho người nước ngoài tại khu vực biên giới và khu vực kinh tế cửa khẩu với Trung Quốc;

b) Bỏ yêu cầu nộp văn bản ý kiến chấp thuận của NHNN chi nhánh tỉnh có chung biên giới trong thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 689/2004/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 6 năm 2004 của Thống đốc NHNN ban hành quy chế thanh toán, mua bán hàng hóa và dịch vụ tại khu vực biên giới và khu kinh tế cửa khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc;

c) Sửa đổi mẫu đơn: Loại bỏ ý kiến xác nhận của NHNN chi nhánh tỉnh trên mẫu đơn, mẫu tờ khai;

d) Quy định thời hạn giải quyết thủ tục là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

đ) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố trên địa bàn có chung biên giới với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;

e) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

16. Các thủ tục cấp hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu vàng:

- Cấp hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu áp dụng đối với các doanh nghiệp kinh doanh vàng trong nước (B-NHA-001612-TT);

- Cấp hạn ngạch xuất khẩu vàng nguyên liệu áp dụng đối với doanh nghiệp khai thác vàng (B-NHA-001621-TT);

- Cấp hạn ngạch hoặc điều chỉnh hạn ngạch nhập khẩu vàng nguyên liệu áp dụng đối với các doanh nghiệp kinh doanh vàng có vốn đầu tư nước ngoài (B-NHA-001641-TT);

- Cấp hạn ngạch nhập khẩu vàng nguyên liệu áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu vàng để gia công, tái xuất các sản phẩm vàng cho nước ngoài (B-NHA-001634-TT).

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

17. Các thủ tục cấp phép mang vàng khi xuất nhập cảnh:

- Cấp giấy phép mang vàng khi xuất cảnh cho cá nhân xuất cảnh qua cửa khẩu Việt Nam bằng hộ chiếu (trừ trường hợp cá nhân là người Việt Nam đi định cư ở nước ngoài (B-NHA-001682-TT);

- Cấp giấy phép mang vàng khi xuất cảnh cho cá nhân đi định cư ở nước ngoài xuất cảnh qua cửa khẩu Việt Nam bằng hộ chiếu (B-NHA-030324-TT)

a) Quy định thủ tục cấp phép cho cá nhân mang vàng khi xuất cảnh, nhập cảnh phù hợp với quy định tại Điều 9 Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối;

b) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi cư trú;

c) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

18. Cấp giấy chứng nhận đăng ký Đại lý đổi ngoại tệ (B-NHA-001832-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

19. Cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ở ngân hàng tại Lào (B-NHA-001822-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố; số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

b) Sửa đổi yêu cầu điều kiện của thủ tục: *"Các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam chỉ sử dụng tài khoản VND, tài khoản LAK mở tại các Ngân hàng tại Lào để phục vụ cho các mục đích liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu với Lào, thực hiện các khoản thu chi liên quan đến hoạt động viện trợ, đầu tư hoặc các hoạt động được phép khác tại Lào";*

c) Sửa quy định để được mở và sử dụng tài khoản tại Lào như sau: "*Việc cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ở ngân hàng tại Lào chỉ áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam mở tài khoản tại Lào để thực hiện các cam kết, thỏa thuận với Lào trong trường hợp việc mở tài khoản trong nước không thể đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của cam kết, thỏa thuận đã ký kết;*

d) Quy định cụ thể tên "*Văn bản có liên quan chứng minh nhu cầu mở tài khoản tại Lào"* trong thành phần hồ sơ cấp phép mở tài khoản.

20. Cấp giấy phép thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu sang Campuchia (B-NHA-001869-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

21. Cho phép mang tiền của nước có chung biên giới vào các tỉnh nội địa (B-NHA-042669-TT)

Quy định thành phần hồ sơ, trình tự, cách thức thực hiện, phạm vi, quy mô, thẩm quyền quyết định thủ tục hành chính nhằm sử dụng đồng tiền của nước có chung biên giới trong mua bán hàng hóa ở khu vực biên giới và khu vực kinh tế cửa khẩu phù hợp với quy định của Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006.

22. Xác nhận đăng ký tài khoản ngoại tệ và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (B-NHA-001907-TT).

a) Quy định hướng dẫn quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài thay thế Thông tư số 01/2001/TT-NHNN ngày 19 tháng 01 năm 2001 và Thông tư số 04/2005/TT-NHNN ngày 26 tháng 8 năm 2005 của NHNN;

b) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính; số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

III. THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

23. Chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại cổ phần (B-NHA-002179-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng;

b) Quy định rõ thời hạn trả lời kết quả xác nhận tình trạng hồ sơ trong trình tự thực hiện và thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.

24. Cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần (B-NHA-001983-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng Nhà nước;

b) Quy định thời hạn trả lời kết quả xác nhận về tình trạng hồ sơ tại Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 6 năm 2007 theo hướng: trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (cụ thể là Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng) phải có giấy biên nhận (nếu kiểm tra đủ hồ sơ theo quy định) hoặc thông báo về tình trạng hồ sơ để yêu cầu bổ sung (nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc thành phần hồ sơ chưa đúng theo quy định);

c) Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định về yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Điều 5 Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 6 năm 2007 cho phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2005, như sau:

- Về Số lượng ngân hàng được phép thành lập: quy định hạn chế việc góp vốn thành lập ngân hàng của cá nhân hoặc tổ chức và người có liên quan của cá nhân hoặc tổ chức. Mỗi cá nhân hoặc tổ chức và người có liên quan của cá nhân hoặc tổ chức đứng đơn chỉ được tham gia góp vốn thành lập 01 ngân hàng (bao gồm cả các ngân hàng đang hoạt động); không được tham gia góp vốn thành lập ngân hàng nếu cá nhân hoặc cá nhân đó cùng với người có liên quan đang sở hữu mức cổ phần trọng yếu của một ngân hàng; tổ chức hoặc tổ chức đó cùng với người có liên quan đang sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của một ngân hàng;

- Đối với Cổ đông sáng lập là cá nhân: Bổ sung thêm điều kiện liên quan đến năng lực (là người quản lý doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong ít nhất 03 năm liền kề năm xin thành lập ngân hàng), trình độ (có bằng đại học hoặc trên đại học về ngành thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh kinh tế hoặc luật); yêu cầu cổ đông sáng lập phải gắn bó lâu dài khi tham gia góp vốn thành lập ngân hàng (cam kết hỗ trợ ngân hàng về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp ngân hàng khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản);

- Đối với Cổ đông sáng lập là tổ chức không phải là ngân hàng thương mại: yêu cầu bảo đảm có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng trong 05 năm liền kề với năm đề nghị thành lập ngân hàng; kinh doanh có lãi trong 05 năm liền kề với năm đề nghị thành lập ngân hàng; đồng thời yêu cầu tính gắn bó lâu dài của các cổ đông này khi tham gia góp vốn thành lập ngân hàng (cam kết hỗ trợ ngân hàng trong trường hợp ngân hàng khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản);

- Về Báo cáo tài chính: Bổ sung điều kiện liên quan đến chất lượng của công ty kiểm toán độc lập (báo cáo tài chính phải được kiểm toán độc lập bởi công ty kiểm toán thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán đã được Bộ Tài chính công bố đủ tiêu chuẩn kiểm toán doanh nghiệp); đồng thời tăng chất lượng của báo cáo tài chính;

- Về giám sát sau cấp phép: Bổ sung điều kiện liên quan đến khâu hậu kiểm (giám sát sau cấp phép) để tăng tính trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi thành lập ngân hàng.

25. Chấp thuận thành lập công ty chứng khoán của ngân hàng thương mại (B-NHA-003699-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

b) Quy định cụ thể thời hạn trả lời kết quả xác nhận tình trạng hồ sơ trong trình tự thực hiện TTHC tại Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 6 năm 2007 theo hướng: trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (cụ thể là Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng) phải có giấy biên nhận (nếu kiểm tra đủ hồ sơ theo quy định) hoặc thông báo về tình trạng hồ sơ để yêu cầu bổ sung (nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc thành phần hồ sơ chưa đúng theo quy định);

c) Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định về yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Điều 5 Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 6 năm 2007 phù hợp với quy định hiện hành tại khoản 5 Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2005, như sau:

- Về Số lượng ngân hàng được phép thành lập: quy định hạn chế việc góp vốn thành lập ngân hàng của cá nhân hoặc tổ chức và người có liên quan của cá nhân hoặc tổ chức. Mỗi cá nhân hoặc tổ chức và người có liên quan của cá nhân hoặc tổ chức đứng đơn chỉ được tham gia góp vốn thành lập 01 ngân hàng (bao gồm cả các ngân hàng đang hoạt động); không được tham gia góp vốn thành lập ngân hàng nếu

cá nhân hoặc cá nhân đó cùng với người có liên quan đang sở hữu mức cổ phần trọng yếu của một ngân hàng; tổ chức hoặc tổ chức đó cùng với người có liên quan đang sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của một ngân hàng;

- Đối với Cổ đông sáng lập là cá nhân: Bổ sung thêm điều kiện liên quan đến năng lực (là người quản lý doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong ít nhất 03 năm liền kề năm xin thành lập ngân hàng), trình độ (có bằng đại học hoặc trên đại học về ngành thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh kinh tế hoặc luật); yêu cầu cổ đông sáng lập phải gắn bó lâu dài khi tham gia góp vốn thành lập ngân hàng (cam kết hỗ trợ ngân hàng về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp ngân hàng khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản);

- Đối với Cổ đông sáng lập là tổ chức không phải là ngân hàng thương mại: yêu cầu bảo đảm có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng trong 05 năm liền kề với năm đề nghị thành lập ngân hàng; kinh doanh có lãi trong 05 năm liền kề với năm đề nghị thành lập ngân hàng; đồng thời yêu cầu tính gắn bó lâu dài của các cổ đông này khi tham gia góp vốn thành lập ngân hàng (cam kết hỗ trợ ngân hàng trong trường hợp ngân hàng khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản);

- Về Báo cáo tài chính: Bổ sung điều kiện liên quan đến chất lượng của công ty kiểm toán độc lập (báo cáo tài chính phải được kiểm toán độc lập bởi công ty kiểm toán thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán đã được Bộ Tài chính công bố đủ tiêu chuẩn kiểm toán doanh nghiệp); đồng thời tăng chất lượng của báo cáo tài chính;

- Về giám sát sau cấp phép: Bổ sung điều kiện liên quan đến khâu hậu kiểm (giám sát sau cấp phép) để tăng tính trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi thành lập ngân hàng.

26. Các thủ tục về thành lập công ty quản lý nợ:

- Chấp thuận thành lập công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại nhà nước (B-NHA-003700- TT);

- Chấp thuận thành lập công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại cổ phần (B-NHA-104452- TT).

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện gửi tới Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

b) Bãi bỏ quy định về yêu cầu điều kiện "Có nhu cầu thành lập công ty quản lý nợ và khai thác tài sản" quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 1389/2001/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 11 năm 2001.

27. Chấp thuận thành lập công ty kiều hối trực thuộc ngân hàng thương mại cổ phần (B-NHA-003701- TT)

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện gửi tới Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

b) Bãi bỏ các loại giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ quy định tại khoản 5, 6, 8 Điều 4 Quyết định số 951/2003/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 8 năm 2003:

- Ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố về nơi đặt trụ sở chính của Công ty kiều hối trực thuộc;

- Quyết định của Thống đốc NHNN cho phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ;

- Ý kiến Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Công ty kiều hối trực thuộc đặt trụ sở chính (trường hợp trụ sở chính Công ty kiều hối trực thuộc đặt khác địa phương nơi Ngân hàng thương mại cổ phần đặt trụ sở chính);

c) Quy định thời gian trả kết quả là 30 ngày làm việc kể từ ngày NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) nhận được đủ hồ sơ theo quy định.

28. Tự nguyện chấm dứt hoạt động của sở giao dịch/chi nhánh/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp của ngân hàng (B-NHA-003772-TT)

a) Bãi bỏ thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện và đơn vị sự nghiệp của ngân hàng; cho phép ngân hàng thương mại được chủ động chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

b) Đối với Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động của sở giao dịch/chi nhánh của ngân hàng hoàn thiện theo hướng sau đây:

- Về mẫu đơn: bỏ đối tượng phải kê khai là văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước;

- Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

29. Chấp thuận thay đổi tên, địa điểm của sở giao dịch/chi nhánh/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp của ngân hàng (B-NHA-003706- TT)

a) Bãi bỏ thủ tục chấp thuận thay đổi tên, địa điểm của *văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp* của ngân hàng; cho phép ngân hàng thương mại được chủ động thực hiện;

b) Đối với thủ tục chấp thuận thay đổi tên, địa điểm của sở giao dịch/chi nhánh của ngân hàng hoàn thiện theo hướng sau đây:

- Quy định cách thức thực hiện thủ tục chấp thuận thay đổi tên, địa điểm của sở giao dịch, chi nhánh của ngân hàng: nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố; quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

- Quy định thời gian giải quyết là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Quy định việc gia hạn thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận.

30. Xác nhận đăng ký mở, thay đổi tên và/hoặc địa điểm, chấm dứt hoạt động Phòng giao dịch, Quỹ tiết kiệm, ATM (B-NHA-003770- TT)

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố; quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

b) Cụ thể hóa yêu cầu, điều kiện và hồ sơ chứng minh đáp ứng yêu cầu, điều kiện: (i) Có đủ cán bộ có năng lực, kinh nghiệm chuyên môn đáp ứng yêu cầu hoạt động của phòng giao dịch, quỹ tiết kiệm; (ii) Có đủ cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu an toàn trong giao dịch, kho quỹ (nếu có), điều chuyển tiền, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định liên quan của pháp luật.

31. Chấp thuận mở chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài của ngân hàng (B-NHA-003774-TT)

a) Quy định nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi ngân hàng đặt trụ sở chính; quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ, hình thức giấy tờ (bản sao chứng thực/sao y);

b) Quy định thời hạn giải quyết là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

32. Sửa đổi, bổ sung điều lệ, thay đổi một số nội dung trong giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần (B-NHA-002013- TT)

a) Thay thế bằng thủ tục đăng ký sửa đổi, bổ sung Điều lệ ngân hàng thương mại cổ phần;

b) Quy định rõ cách thức thực hiện như sau: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi ngân hàng thương mại cổ phần đặt trụ sở chính;

c) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 02 bộ, (gồm 01 bản chính 01 bộ sao chụp);

d) Quy định thời hạn giải quyết là 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

33. Gia hạn hoạt động của ngân hàng thương mại cổ phần (B-NHA-002020-TT)

a) Quy định nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết TTHC là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

34. Chấp thuận cho ngân hàng thương mại cổ phần được đăng ký niêm yết cổ phiếu (B-NHA-003828-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến NHNN;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Quy định thời hạn giải quyết là 20 ngày làm việc; đơn vị nhận hồ sơ là Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng;

d) Ban hành thông tư liên tịch giữa NHNN và Ủy ban chứng khoán Nhà nước nhằm thực hiện cơ chế liên thông thủ tục Đăng ký niêm yết cổ phiếu; quy định thành phần hồ sơ giải quyết TTHC này, trên cơ sở kế thừa các quy định thủ tục chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu đối với ngân hàng thương mại cổ phần.

35. Chấp thuận cho ngân hàng thương mại cổ phần được đăng ký phát hành cổ phiếu ra công chúng (B-NHA-106329-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

36. Chuẩn y các chức danh thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, tổng giám đốc ngân hàng thương mại cổ phần của nhà nước và nhân dân (B-NHA-163465-TT)

a) Bỏ bước chuẩn y các chức danh thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, tổng giám đốc ngân hàng thương mại cổ phần của nhà nước và nhân dân, NHNN chỉ chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến các chức danh nêu trên. TCTD phải thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh nêu trên trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày bầu, bổ nhiệm;

b) Quy định hồ sơ được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện gửi đến Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng;

c) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

d) Bổ sung thêm các văn bản để làm rõ việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định mới tại Nghị định số 59/2009/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2009 về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại;

đ) Quy định thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với thủ tục trước nhân sự chủ chốt, đồng thời gửi hồ sơ trực tiếp đến Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng;

e) Sửa đổi mẫu lý lịch như sau:

- Mục "Quá trình hoạt động bản thân": Cần phân chia bố cục giữa trình độ và quá trình công tác để các thông tin được rõ ràng và tương ứng với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành;

- Mục "Quan hệ gia đình": bổ sung thêm Đăng ký kinh doanh đối với pháp nhân, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân theo quy định tại khoản 9, Điều 4 Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần, ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Thống đốc NHNN.

37. Cấp giấy phép mở văn phòng đại diện của TCTD nước ngoài tại Việt Nam (B-NHA-002116-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng;

b) Quy định rõ các loại giấy tờ cần phải hợp pháp hóa lãnh sự do cơ quan có thẩm quyền được Bộ Ngoại giao quy định (Thông tư số 01/1999/TT-BNG ngày 03 tháng 6 năm 1999 của Bộ Ngoại giao) và quy định những trường hợp miễn hợp pháp hóa lãnh sự trên cơ sở áp dụng điều ước quốc tế; các loại giấy tờ do cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam, lãnh sự nước ngoài tại Việt Nam cấp cho cá nhân công dân, TCTD nước ngoài để sử dụng tại Việt Nam trên nguyên tắc có đi, có lại (Tham khảo Thông tư số 07/2002/TT-BTP ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Bộ Tư pháp, Thông tư số 01/1999/TT-BNG ngày 03 tháng 6 năm 1999 của Bộ Ngoại giao).

c) Quy định "Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và chức năng dịch thuật xác nhận bản dịch các báo cáo tài chính thường niên";

38. Gia hạn thời gian hoạt động đối với văn phòng đại diện TCTD nước ngoài hoạt động tại Việt Nam (B-NHA-002120-TT)

Bỏ quy định: "Các tài liệu khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước".

39. Các thủ tục chuyển đổi hình thức tổ chức từ ngân hàng 100% vốn nước ngoài:

- Chuyển đổi hình thức tổ chức từ ngân hàng 100% vốn nước ngoài thành ngân hàng liên doanh (B-NHA-002267-TT);

- Chuyển đổi hình thức tổ chức từ ngân hàng liên doanh thành ngân hàng 100% vốn nước ngoài (B-NHA-002190-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng;

b) Hủy bỏ các tiết i, k, l, m, n, p, q điểm 6.2, 18.2 của Thông tư số 03/2007/TT-NHNN ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 22/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2006 về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, văn phòng đại diện TCTD nước ngoài tại Việt Nam;

c) Quy định rõ tên "Các bản sao tiếng Việt và các bản dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt phải được cơ quan công chứng Việt Nam xác nhận theo quy định của pháp luật về công chứng…" thuộc thành phần hồ sơ quy định tại tiết b, điểm 7.1 Thông tư số 03/2007/TT-NHNN ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 22/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2006 về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, văn phòng đại diện TCTD nước ngoài tại Việt Nam.

40. Các thủ tục chuẩn y việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài:

- Chuẩn y việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài (B-NHA-002307-TT);

- Chuẩn y việc bổ nhiệm, miễn nhiệm tổng giám đốc của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài (B-NHA-002314-TT);

- Chuẩn y việc bổ nhiệm, miễn nhiệm tổng giám đốc (giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam (B-NHA-163452-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, số bộ hồ sơ phải nộp (01 bộ). Riêng thành phần hồ sơ là các văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn của thành viên được đề nghị chuẩn y bổ nhiệm là bản sao có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Mẫu hóa lý lịch của thành viên HĐQT, BKS được bổ nhiệm.

41. Chấp thuận việc chuyển nhượng vốn góp giữa các bên trong ngân hàng liên doanh hoặc giữa các thành viên góp vốn trong ngân hàng 100% vốn nước ngoài (B-NHA-002317-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Bỏ quy định: "Các tài liệu khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước".

42. Chấp thuận việc chuyển nhượng vốn góp cho đối tác mới ngoài ngân hàng 100% vốn nước ngoài hoặc ngân hàng liên doanh (B-NHA-047128-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ gửi qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Bỏ quy định: "Các tài liệu khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước".

43. Chấp thuận việc chuyển nhượng vốn góp trong trường hợp một thành viên góp vốn trong ngân hàng liên doanh hoặc ngân hàng 100% vốn nước ngoài bị mua lại, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách dẫn đến việc hình thành một pháp nhân mới (B-NHA-047183-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng;

b) Sửa đổi quy định về thời hạn giải quyết từ *"90 ngày làm việc"* thành *"90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định"* (tại tiết b điểm 58, Thông tư số 03/2009/TT-NHNN ngày 02 tháng 3 năm 2009).

44. Các thủ tục:

- Đổi tên văn phòng đại diện TCTD nước ngoài tại Việt Nam (B-NHA-002351-TT);

- Chuyển địa điểm văn phòng đại diện TCTD nước ngoài đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác (B-NHA-002354- TT)

a) Quy định nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

b) Quy định hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

45. Các thủ tục:

- Chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện TCTD nước ngoài trong trường hợp hết thời hạn hoạt động (B-NHA -002363-TT);

- Chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện TCTD nước ngoài trong trường hợp tự nguyện chấm dứt hoạt động (B-NHA-002409-TT)

a) Quy định nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

46. Chấp thuận nguyên tắc cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty tài chính cổ phần và công ty cho thuê tài chính cổ phần (B-NHA-002432-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Quy định nêu rõ tên "người đại diện phần vốn góp đang giữ chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát tại TCTD" trong mẫu đơn đề nghị.

47. Cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty tài chính cổ phần và công ty cho thuê tài chính cổ phần (B-NHA-002441-TT)

a) Về hồ sơ:

- Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng;

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Bỏ yêu cầu nộp văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do TCTD phi ngân hàng cổ phần thực hiện;

- Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 02 bộ;

b) Sửa đổi mẫu đơn, tờ khai: Bỏ yêu cầu TCTD phi ngân hàng cổ phần nêu chi tiết các thông tin về mở tài khoản, ngày phong tỏa trong đơn đề nghị thành lập và hoạt động TCTD phi ngân hàng cổ phần.

48. Các thủ tục về cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty tài chính:

- Cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty tài chính không phải là công ty tài chính cổ phần (B-NHA-163449-TT);

- Cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty cho thuê tài chính không phải là công ty cho thuê tài chính cổ phần (B-NHA-163442-TT)

a) Về hồ sơ:

- Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

- Bỏ yêu cầu nộp "Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về nơi đặt trụ sở của công ty tài chính" trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động của công ty tài chính nộp NHNN quy định tại điểm 8.7 Thông tư số 06/2002/TT-NHNN ngày 23 tháng 12 năm 2002;

b) Sửa đổi quy định về đồng tiền đóng góp vào vốn điều lệ của công ty tài chính quy định tại điểm 4.1 Mục I và mức vốn pháp định đối với công ty tài chính tại điểm 7.2 mục 2, Thông tư số 06/2002/TT-NHNN ngày 23 tháng 12 năm 2002;

c) Quy định các yêu cầu điều kiện: thành viên sáng lập là tổ chức, cá nhân có uy tín, năng lực tài chính; đối với TCTD nước ngoài về tổng tài sản Có; năng lực tài chính đối với tổ chức xin thành lập Công ty tài chính như về vốn điều lệ, tổng mức góp vốn, mua cổ phần tại TCTD và doanh nghiệp khác, vốn cam kết của tổ chức không phải là TCTD xin thành lập công ty tài chính từ vốn chủ sở hữu sau khi trừ đi các khoản nợ, tổng tài sản có tỷ lệ nợ quá hạn đối với TCTD.

49. Chuẩn y các chức danh thành viên HĐQT, ban kiểm soát, tổng giám đốc (hoặc giám đốc) TCTD phi ngân hàng (B-NHA-003357-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng;

b) Bổ sung các quy định về việc chuẩn y các chức danh thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, tổng giám đốc (hoặc giám đốc) các loại hình TCTD phi ngân hàng cổ phần;

c) Bổ sung quy định còn thiếu về tiêu chuẩn, điều kiện đảm nhiệm các chức danh nói trên đối với TCTD phi ngân hàng không phải cổ phần;

d) Sửa đổi, bổ sung tiết e điểm 1 và tiết g điểm 2, Điều 24 của Quyết định số 516/2003/QĐ-NHNN "bản sao văn bằng đã được công chứng…";

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 1 Quyết định số 516/2003/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 5 năm 2003.

50. Thay đổi tên, nội dung, phạm vi, thời hạn hoạt động và điều lệ của công ty tài chính cổ phần (B-NHA-107533-TT)

a) Thay thế thủ tục "Chuẩn y điều lệ của công ty tài chính cổ phần" bằng việc "Đăng ký điều lệ...";

b) Quy định nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng;

c) Quy định thời hạn giải quyết là 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

51. Các thủ tục thay đổi của công ty tài chính không phải là công ty tài chính cổ phần:

- Thay đổi tên, nội dung, phạm vi, thời hạn hoạt động và điều lệ của công ty tài chính không phải là công ty tài chính cổ phần (B-NHA-003360-TT);

- Thay đổi mức vốn điều lệ của công ty tài chính không phải là công ty tài chính cổ phần (B-NHA-003364-TT);

- Thay đổi mức vốn điều lệ của công ty tài chính cổ phần (B-NHA-107987-TT);

- Thay đổi mức vốn điều lệ của công ty cho thuê tài chính không phải là công ty cho thuê tài chính cổ phần (B-NHA-003423-TT);

- Thay đổi mức vốn điều lệ của công ty cho thuê tài chính cổ phần- (B-NHA-108351-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng; quy định cụ thể thời hạn giải quyết thủ tục hành chính;

b) Thành phần hồ sơ: Bỏ quy định nộp văn bản xác nhận của sở giao dịch hoặc chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi công ty tài chính đặt trụ sở chính về số vốn điều lệ tăng thêm gửi vào tài khoản phong tỏa.

52. Các thủ tục chấp thuận thay đổi, thay đổi trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty tài chính cổ phần:

- Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty tài chính cổ phần (B-NHA-108004-TT);

- Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty tài chính không phải là công ty tài chính cổ phần (B-NHA-003369-TT);

- Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty cho thuê tài chính không phải là công ty cho thuê tài chính cổ phần (B-NHA-003434-TT);

- Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty cho thuê tài chính cổ phần (B-NHA-108447-TT)

a) Thay thế bằng hình thức thông báo đối với việc chấp thuận thay đổi địa điểm đối với văn phòng đại diện của công ty tài chính cổ phần, công ty tài chính không phải là công ty tài chính cổ phần, công ty cho thuê tài chính không phải là công ty cho thuê tài chính cổ phần. Cụ thể như sau: trước và sau khi thay đổi địa điểm văn phòng đại diện, công ty tài chính cổ phần thông báo bằng văn bản gửi NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi công ty tài chính đặt trụ sở chính;

b) Quy định nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi công ty tài chính cổ phần đặt trụ sở chính;

c) Bãi bỏ quy định nộp văn bản chấp thuận của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong thành phần hồ sơ do công ty tài chính đề nghị thay đổi nơi đặt trụ sở chính, chi nhánh;

d) Bổ sung quy định công ty tài chính cổ phần chỉ được chuyển địa điểm đặt chi nhánh trên cùng một địa bàn.

53. Các thủ tục về thay đổi công ty cho thuê tài chính:

- Thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động của công ty cho thuê tài chính không phải là công ty cho thuê tài chính cổ phần (B-NHA-003437-TT);

- Thay đổi tên của công ty cho thuê tài chính không phải là công ty cho thuê tài chính cổ phần (B-NHA-003404-TT);

- Thay đổi tên của công ty cho thuê tài chính cổ phần (B-NHA-108302-TT);

- Thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động của công ty cho thuê tài chính cổ phần (B-NHA-108512-TT);

- Thay đổi tỷ lệ cổ phần của các cổ đông lớn của công ty tài chính cổ phần (B-NHA-108234-TT);

- Thay đổi tỷ lệ cổ phần của các cổ đông lớn trong công ty cho thuê tài chính cổ phần (B-NHA-003617-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc hộp trực tiếp tại Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Bãi bỏ yêu cầu nộp "Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đến thời điểm cuối quý gần nhất của công ty cho thuê tài chính" trong thành phần hồ sơ.

54. Chấp thuận chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty cho thuê tài chính liên doanh (B-NHA-003460-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc hộp trực tiếp tại Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Quy định các trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp của các bên trong công ty cho thuê tài chính liên doanh tại điểm 14.2.5 Thông tư số 06/2005/TT-NHNN ngày 12 tháng 10 năm 2005.

55. Các thủ tục chuyển nhượng cổ phần:

- Chuyển nhượng cổ phần có ghi tên vượt quá tỷ lệ quy định của Ngân hàng Nhà nước của công ty tài chính cổ phần (B-NHA-108208-TT);

- Chuyển nhượng cổ phần có ghi tên kể từ lần chuyển nhượng đầu tiên vượt quá 20% vốn điều lệ của công ty cho thuê tài chính cổ phần (B-NHA-003615-TT)

Bãi bỏ các thủ tục hành chính này.

56. Các thủ tục chấp thuận thực hiện nghiệp vụ cho thuê tài chính:

- Chấp thuận thực hiện nghiệp vụ cho thuê vận hành của công ty cho thuê tài chính cổ phần (B-NHA-108984-TT);

- Chấp thuận thực hiện nghiệp vụ cho thuê vận hành của công ty cho thuê tài chính nhà nước, công ty cho thuê tài chính trực thuộc của TCTD, công ty cho thuê tài chính liên doanh và công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài (B-NHA-003834-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi công ty cho thuê tài chính cổ phần đặt trụ sở chính;

b) Sửa đổi thành phần hồ sơ quy định tại điểm 7.2 của Quyết định số 731/2004/QĐ-NHNN ngày 15 tháng 6 năm 2004 thành: Báo cáo tài chính của công ty cho thuê tài chính trong 2 năm gần nhất kèm theo báo cáo kiểm toán của tổ chức kiểm toán độc lập. Các tài liệu này là các bản sao có xác nhận của cơ quan đã cấp bản chính hoặc bản sao có chứng thực;

c) Sửa đổi, bổ sung tiết a, b khoản 2, Điều 22, Quyết định số 731/2004/QĐ-NHNN ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

57. Chấp thuận cho TCTD cổ phần được thực hiện nghiệp vụ bao thanh toán (B-NHA-108644-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

58. Chấp thuận mở chi nhánh/văn phòng đại diện của TCTD phi ngân hàng ở trong nước (B-NHA-003776-TT)

a) Thay thế thủ tục chấp thuận đối với thủ tục mở văn phòng đại diện của TCTD phi ngân hàng trong nước bằng yêu cầu: Trước và sau khi mở văn phòng đại diện, các TCTD phi ngân hàng gửi thông báo bằng văn bản đến NHNN Việt Nam;

b) Quy định nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng;

c) Đơn giản hóa thành phần hồ sơ đối với thủ tục chấp thuận mở chi nhánh của TCTD phi ngân hàng:

- Bỏ văn bản chấp thuận của UBND tỉnh, thành phố nơi TCTD phi ngân hàng đặt trụ sở chi nhánh trong quy định về thành phần hồ sơ tại Điều 5, Quyết định số 01/2008/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 01 năm 2008;

- Bỏ yêu cầu nộp "Các văn bản liên quan đúng quy định và các văn bản chứng minh đảm bảo đủ các điều kiện" quy định tại Điều 4 của Quyết định số 01/2008/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 01 năm 2008;

d) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

59. Chấp thuận mở chi nhánh/văn phòng đại diện của TCTD phi ngân hàng ở nước ngoài (B-NHA-003784-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Cơ quan Thanh tra giám sát NHNN Việt Nam;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Quy định thời hạn giải quyết là 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

d) Bổ sung quy định cụ thể yêu cầu nộp "Các văn bản chứng minh đảm bảo các điều kiện" nêu tại điểm d khoản 1 Điều 11 và Điều 12 của Quyết định số 01/2008/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 01 năm 2008.

60. Chấp thuận chấm dứt hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện của TCTD phi ngân hàng trong nước (B-NHA-003787-TT)

a) Thay thế thủ tục "Chấp thuận chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của TCTD phi ngân hàng trong nước" bằng "Thông báo chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện, các TCTD phi ngân hàng". Cụ thể trước và sau khi có thông báo bằng văn bản gửi NHNN;

b) Quy định cụ thể cách thức thực hiện TTHC (gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng nhà nước Việt Nam hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở chính NHNN);

c) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

61. Đăng ký mở phòng giao dịch của TCTD phi ngân hàng (B-NHA-003825-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Quy định thời hạn khai trương hoạt động.

62. Các thủ tục về cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho tổ chức tài chính quy mô nhỏ:

- Cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho tổ chức tài chính quy mô nhỏ (TCTCQMN) dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (B-NHA-003686-TT);

- Cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho tổ chức tài chính quy mô nhỏ (TCTCQMN) dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (B-NHA-003687-TT)

a) Quy định nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua bưu điện đến Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng NHNN Việt Nam;

b) Hủy bỏ yêu cầu nộp văn bản có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chính của TCTCQMN về sự cần thiết thành lập tổ chức này trong hồ sơ đề nghị cấp phép gửi NHNN;

c) Sửa mẫu sơ yếu lý lịch tại Phụ lục 2, Thông tư số 02/2008/TT-NHNN ngày 02/4/2008: Bổ sung thông tin về ngày/tháng/năm sinh của thành viên hội đồng quản trị, ban Kiểm soát, tổng giám đốc (giám đốc) của TCTCQMN;

d) Quy định cụ thể mức lệ phí cấp Giấy phép và mức lệ phí gia hạn thời hạn hoạt động đối với TCTCQMN.

63. Gia hạn giấy phép đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ (B-NHA-003688-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở NHNN Việt Nam;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Hủy bỏ yêu cầu nộp *"Các tài liệu khác (nếu cần)"* quy định tại điểm 16.1 tiết a, b, c, d, đ Thông tư số 02/2008/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2008 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

d) Quy định mức lệ phí thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động đối với TCTCQMN;

đ) Quy định yêu cầu chứng minh về việc đáp ứng đầy đủ yêu cầu, điều kiện theo hướng: NHNN có quyền yêu cầu tổ chức đứng đơn giải trình làm rõ và/hoặc cung cấp các tài liệu bổ sung nhằm làm rõ các nội dung nêu trong thành phần hồ sơ đề nghị gia hạn.

64. Các thủ tục về thay đổi TCTCQMN:

- Thay đổi tên của TCTCQMN (B-NHA-003689-TT);

- Thay đổi mức vốn điều lệ của TCTCQMN (B-NHA-003690-TT);

- Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của TCTCQMN (B-NHA-003693-TT);

- Thay đổi nội dung hoạt động của TCTCQMN (B-NHA-003694-TT);

- Chuyển nhượng phần vốn góp của TCTCQMN là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (B-NHA-003695-TT);

- Chuyển nhượng phần vốn góp của các bên góp vốn trong TCTCQMN đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (B-NHA-109409-TT);

- Chuẩn y thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của TCTCQMN (B-NHA-003698-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Bỏ yêu cầu: "Các tài liệu khác (nếu cần)" trong thành phần hồ sơ đề nghị giải quyết các thủ tục hành chính này;

c) Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:

- Quy định trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, NHNN có văn bản xác nhận bằng văn bản về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ hoặc thông báo cho TCTCQMN về những giấy tờ cần bổ sung;

- Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc đổi tên của tổ chức tài chính quy mô nhỏ. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước nêu rõ lý do;

d) Quy định yêu cầu nộp tài liệu chứng minh sự đáp ứng đầy đủ các yêu cầu điều kiện theo hướng: NHNN có quyền yêu cầu tổ chức đứng đơn giải trình làm rõ và/hoặc cung cấp các tài liệu bổ sung nhằm làm rõ các nội dung nêu trong hồ sơ.

65. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ của tổ chức tài chính quy mô nhỏ (B-NHA-003697-TT)

Thay thế bằng thủ tục "Xác nhận đăng ký về sửa đổi, bổ sung nội dung điều lệ".

66. Các thủ tục thay đổi địa điểm đặt chi nhánh TCTCQMN:

- Thay đổi địa điểm đặt chi nhánh của TCTCQMN khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (B-NHA-033370-TT);

- Thay đổi địa điểm đặt chi nhánh của TCTCQMN trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (B-NHA-109043-TT)

a) Quy định việc thay đổi địa điểm đặt chi nhánh giữa 2 tỉnh, thành phố có liền kề hay không để đảm bảo tính chặt chẽ;

b) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước;

c) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

d) Bỏ yêu cầu TCTCQMN nộp "Văn bản ý kiến UBND tỉnh, thành phố nơi TCTCQMN dự định đặt trụ sở chi nhánh" trong thành phần hồ sơ đề nghị thay đổi địa điểm;

đ) Quy định thời hạn giải quyết là 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

67. Các thủ tục:

- Tự nguyện chấm dứt hoạt động của chi nhánh của TCTCQMN (B-NHA-033123-TT);

- Mở chi nhánh của TCTCQMN (B-NHA-033398-TT)

a) Quy định nộp trực tiếp hoặc gửi qua Bưu điện cho Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng NHNN Việt Nam;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Sửa đổi, bổ sung trình tự thực hiện và rút ngắn thời hạn giải quyết, cụ thể như sau:

- TCTCQMN có nhu cầu chấm dứt hoạt động chi nhánh gửi hồ sơ tới Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng). Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng xem xét đề nghị của đơn vị và ra quyết định chấp thuận nguyên tắc;

- Sau khi TCTCQMN giải quyết xong mọi quyền lợi và nghĩa vụ của chi nhánh chấm dứt hoạt động, TCTCQMN gửi báo cáo về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh tới NHNN. Sau 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp tỉnh nơi TCTCQMN đặt chi nhánh ra quyết định chấm dứt hoạt động chi nhánh TCTCQMN.

68. Gia hạn thời gian hoạt động chi nhánh của tổ chức tài chính quy mô nhỏ (B-NHA-033062-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

69. Các thủ tục:

- Thay đổi tên chi nhánh của TCTCQMN (B-NHA-033230-TT);

- Mở, thay đổi tên và/hoặc địa điểm, chấm dứt hoạt động của Phòng giao dịch của TCTCQMN (B-NHA-033140-TT)

Quy định rõ cách thức thực hiện theo hướng: gửi trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh cấp tỉnh nơi TCTCQMN đặt chi nhánh.

70. Các thủ tục:

- Cấp phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương (B-NHA-002881-TT);

- Cấp phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (B-NHA-002886-TT)

Quy định nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua bưu điện đến Cơ quan Thanh tra giám sát NHNN Việt Nam.

71. Các thủ tục:

- Cấp lại hoặc đổi giấy phép thành lập Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương trong trường hợp bị mất hoặc bị hỏng (B-NHA-002903-TT);

- Cấp lại hoặc đổi giấy phép quỹ tín dụng nhân dân cơ sở trường hợp quỹ tín dụng nhân dân mất hoặc hư hỏng giấy phép (B-NHA-002894-TT);

a) Quy định nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở NHNN Việt Nam;

b) Quy định thời hạn giải quyết thủ tục hành chính tối đa là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

72. Các thủ tục:

- Chấp thuận mở Sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương (B-NHA-003001-TT);

- Chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính Sở giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương (B-NHA-003017-TT);

- Chấp thuận chấm dứt hoạt động của Sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương (B-NHA-002924-TT)

a) Thực hiện bãi bỏ đề nghị chấp thuận mở văn phòng đại diện, cho phép QTDNDTW chủ động mở văn phòng đại diện khi đáp ứng đủ các điều kiện pháp luật quy định và có trách nhiệm báo cáo với NHNN chi nhánh cấp tỉnh nơi QTDNDTW quyết định mở Văn phòng đại diện;

b) Đối với thủ tục mở Sở giao dịch, chi nhánh của QTDNDTW, đơn giản hóa theo hướng:

- Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng).

- Quy định rõ thành phần hồ sơ tại khoản 1, Điều 13 của Quyết định số 24/2006/QĐ-NHNN ngày 06/6/2006 của Ngân hang Nhà nước về Ban hành Quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và đề nghị bỏ các giấy tờ sau:

+ Văn bản của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh cấp tỉnh nơi QTDNDTW dự định mở Sở giao dịch, chi nhánh, Văn phòng đại diện, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện của QTDNDTW tại địa phương;

+ Văn bản chấp thuận cho phép đặt trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi QTDNDTW dự định mở sở giao dịch, chi nhánh.

- Quy định thời hạn giải quyết thủ tục là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

73. Các thủ tục:

- Chấp thuận mở phòng giao dịch, Quỹ tiết kiệm của QTDNDTW (B-NHA-002994-TT);

- Chấp thuận chấm dứt hoạt động phòng giao dịch, Quỹ tiết kiệm của QTDNDTW (B-NHA-002917-TT);

- Chấp thuận mở phòng giao dịch, quỹ tiết kiệm của quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (B-NHA-002986-TT);

- Chấp thuận chấm dứt hoạt động phòng giao dịch, quỹ tiết kiệm của quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (B-NHA-002912-TT)

a) Thay thế thủ tục chấp thuận mở quỹ tiết kiệm của QTDNDTW bằng hình thức thông báo. Cụ thể như sau: Trước và sau khi mở quỹ tiết kiệm, QTDNDTW có văn bản thông báo gửi NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi mở quỹ tiết kiệm;

b) Đối với thủ tục chấp thuận mở phòng giao dịch của QTDNDTW, hoàn thiện theo hướng:

- Quy định việc mở phòng giao dịch của QTDNDTW khác địa bàn;

- Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến NHNN chi nhánh cấp tỉnh;

- Bỏ nội dung về xin mở Quỹ tiết kiệm trong mẫu đơn.

74. Các thủ tục:

- Chấp thuận thay đổi tên của QTDNDTW (B-NHA-002988-TT);

- Chấp thuận tăng, giảm vốn điều lệ vượt mức quy định của QTDNDTW (B-NHA-003000-TT);

- Chấp thuận thay đổi nội dung hoạt động của QTDNDTW (B-NHA-003077-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua Bưu điện đến Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

75. Các thủ tục:

- Chấp thuận thay đổi phạm vi hoạt động của QTDNDCS (B-NHA-003082-TT);

- Chấp thuận thay đổi thời hạn hoạt động của QTDNDCS (B-NHA-003100-TT);

- Chấp thuận tăng, giảm vốn điều lệ vượt mức quy định của QTDNDCS (B-NHA-003007-TT);

- Chấp thuận thay đổi nội dung hoạt động của QTDNDCS (B-NHA-003078-TT);

- Chấp thuận thay đổi tên của QTDNDCS (B-NHA-002995-TT);

- Chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của QTDNDCS (B-NHA-003022-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi QTDNDCS đặt trụ sở chính;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Quy định thời hạn giải quyết thủ tục hành chính là 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

d) Bỏ quy định "phù hợp với khả năng kiểm tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước" tại khoản 2 Điều 14 Quyết định số 05/2007/QĐ-NHNN ngày 30/01/2007 của Ngân hàng Nhà nước Ban hành quy định về trình tự thủ tục thực hiện những thay đổi của Quỹ tín dụng nhân dân phải được NHNN chấp thuận.

76. Các thủ tục:

- Chấp thuận thay đổi Chủ tịch hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị của QTDNDCS (B-NHA-003107-TT);

- Chấp thuận thay đổi Chủ tịch hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị của QTDNDTW (B-NHA-003103-TT);

- Chấp thuận thay đổi Trưởng ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát của QTDNDTW (B-NHA-003116-TT);

- Chấp thuận thay đổi Trưởng ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát của QTDNDCS (B-NHA-003122-TT);

- Chấp thuận thay đổi giám đốc QTDNDCS (B-NHA-003132-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại NHNN chi nhánh cấp tỉnh; hình thức giấy tờ phù hợp với cách thức thực hiện trên;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Quy định thời hạn giải quyết thủ tục hành chính là 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định;

d) Quy định cụ thể các quy định tại khoản 5, Điều 20, Quyết định số 05/2007/QĐ-NHNN hoặc bãi bỏ quy định trong thành phần hồ sơ về "Các văn bản liên quan khác".

77. Chia quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (B-NHA-002929-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này

78. Tách quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (B-NHA-003023-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

79. Hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (B-NHA-002940-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

80. Sáp nhập quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (B-NHA-003012-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Bổ sung quy định trình tự các bước thực hiện thủ tục hành chính.

81. Các thủ tục:

- Thu hồi giấy phép trong trường hợp chia tách QTDNDCS (B-NHA-003036-TT);

- Thu hồi giấy phép trong trường hợp hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (B-NHA-003044-TT);

- Thu hồi giấy phép trong trường hợp quỹ tín dụng nhân dân cơ sở giải thể tự nguyện theo nghị quyết của đại hội thành viên (B-NHA-003075-TT)

Bãi bỏ các thủ tục hành chính này.

82. Thu hồi giấy phép trong trường hợp sáp nhập QTDNDCS (B-NHA-003068-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

83. Thu hồi giấy phép trong trường hợp quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị phá sản (B-NHA-003059-TT)

Bãi bỏ thủ tục thu hành chính này.

84. Các thủ tục:

- Phát hành giấy tờ có giá dài hạn (B-NHA-002164-TT);

- Bổ sung kế hoạch phát hành giấy tờ có giá dài hạn của năm tài chính (B-NHA-002283-TT)

a) Bổ sung quy định về trình tự và cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: TCTD gửi hồ sơ đề nghị phát hành giấy tờ có giá dài hạn của năm tài chính đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bằng đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở chính;

- Bước 2: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Chính sách tiền tệ) xem xét hồ sơ đề nghị phát hành giấy tờ có giá dài hạn của năm tài chính của TCTD;

- Bước 3: Không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị phát hành của TCTD, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận đối với việc phát hành giấy tờ có giá dài hạn của năm tài chính của TCTD.

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

85. Cấp hoặc thu hồi mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng cho các tổ chức phát hành thẻ, gọi tắt là mã BIN (B-NHA-002099-TT)

a) Quy định nộp trực tiếp tại trụ sở NHNN Việt Nam hoặc gửi hồ sơ qua bưu điện;

b) Quy định số hộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Bỏ yêu cầu nộp bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động đối với tổ chức phát hành thẻ là TCTD hoặc giấy phép hoạt động ngân hàng đối với các tổ chức phát hành thẻ không phải là TCTD trong thành phần hồ sơ cấp hoặc thu hồi mã tổ chức phát thẻ.

86. Đăng ký mẫu séc trắng (B-NHA-002122-TT)

a) Quy định nộp trực tiếp tại trụ sở NHNN Việt Nam hoặc gửi hồ sơ qua bưu điện;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Sửa đổi quy định thành phần hồ sơ tại khoản 1, Điều 6 "Bản sao giấy phép hoạt động của tổ chức cung ứng séc đã được công chứng /xác nhận (trường hợp đăng

ký lần đầu)" thành: Bản sao có chứng thực Giấy phép hoạt động của tổ chức cung ứng séc (trường hợp đăng ký lần đầu) hoặc bản sao chụp đối với trường hợp đăng ký từ lần thứ hai trở đi;

d) Quy định mẫu hóa phụ lục mẫu Đơn đề nghị đăng ký mẫu séc trắng.

87. Đăng ký các loại thẻ Ngân hàng (B-NHA-001692-TT)

a) Bổ sung quy định cụ thể trình tự, cách thức thực hiện TTHC, gồm các bước sau đây:

- Bước 1: Khi phát hành các loại thẻ mới, Tổ chức phát hành thẻ gửi 01 bộ hồ sơ về NHNN (Vụ Thanh toán) bằng các hình thức: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện, đồng thời gửi qua Internet đối với bản mềm Giấy đăng ký thẻ ngân hàng;

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ đăng ký thẻ ngân hàng, trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn Tổ chức phát hành thẻ bổ sung hoặc làm lại;

- Bước 3: Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán) có ý kiến bằng văn bản xác nhận việc đăng ký thẻ cho tổ chức phát hành;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp: bản chính hoặc bản sao chụp của từng loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ;

c) Chuyển toàn bộ quy định về TTHC này vào văn bản quy phạm pháp luật.

88. Các thủ tục mở tài khoản:

- Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước của các TCTD, Kho bạc Nhà nước và các tổ chức khác (B-NHA-103202-TT);

- Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước của các TCTD, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn (B-NHA-002139-TT);

- Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước của các TCTD, Kho bạc Nhà nước khác địa bàn tỉnh (B-NHA-005374-TT)

a) Bổ sung quy định về hồ sơ thực hiện thủ tục mở tài khoản tiền gửi tại NHNN như sau:

- Quy định về mẫu Đơn đề nghị mở tài khoản tiền gửi;

- Quy định rõ:

+ Giấy tờ chứng minh việc tổ chức mở tài khoản được thành lập theo quy định của pháp luật là một trong những loại giấy tờ sau: quyết định thành lập hoặc Giấy

phép hoạt động hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ hợp pháp tương đương khác;

+ Giấy tờ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản, đồng chủ tài khoản, kế toán trưởng, người phụ trách kế toán hoặc người phụ trách việc kiểm soát chứng từ giao dịch thanh toán với NHNN, gồm: Quyết định bổ nhiệm và bản sao một trong các loại giấy tờ của người được bổ nhiệm như: Giấy chứng minh nhân dân hoặc Chứng minh thư ngoại giao hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác.

Riêng đối với Thủ tục mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước của các TCTD, Kho bạc Nhà nước khác địa bàn tỉnh (B-NHA-005374-TT) ngoài thành phần hồ sơ trên phải bổ sung thêm các loại giấy tờ: (i) Bản cam kết bảo đảm tuân thủ quy định của NHNN về sử dụng tài khoản thanh toán; (ii) Văn bản quy định phạm vi sử dụng tài khoản thanh toán khác địa bàn và các quy định khác có liên quan khi tham gia thanh toán điện tử liên ngân hàng.

- Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Quy định nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước;

c) Quy định cụ thể đối tượng mở tài khoản tại Sở giao dịch NHNN và tại NHNN chi nhánh cấp tỉnh.

89. Tham gia thành viên hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng (B-NHA-001502-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ qua đường bưu điện đến NHNN (Ban điều hành hệ thống TTLNH) hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở NHNN;

b) Quy định thời gian giải quyết là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

90. Các thủ tục:

- Tham gia thành viên sử dụng dịch vụ ủy quyền chuyển nợ của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng (B-NHA-163460-TT);

- Đăng ký thành viên chuyển lệnh giá trị thấp của hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng (B-NHA-163463-TT)

a) Quy định cụ thể trình tự, cách thức thực hiện TTHC như sau:

- Bước 1: Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, muốn tham gia thành viên sử dụng dịch vụ ủy quyền chuyển nợ của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng

(TTLNH), gửi 01 bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Ban điều hành hệ thống TTLNH;

- Bước 2: Ban điều hành hệ thống TTLNH xem xét, thẩm định hồ sơ;

- Bước 3: Ban điều hành hệ thống TTLNH sẽ thông báo kết quả xử lý Đơn đến tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chậm nhất là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Quy định cụ thể thành phần hồ sơ gồm: (i) Đơn đăng ký sử dụng dịch vụ chuyển nợ, (ii) Hợp đồng uỷ quyền chuyển nợ giữa các thành viên;

c) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

d) Quy định phụ lục mẫu đơn đăng ký.

91. Rút khỏi hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng (B-NHA-001528-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ qua đường bưu điện đến NHNN (Ban điều hành hệ thống TTLNH) hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở NHNN;

b) Quy định thời hạn giải quyết thủ tục hành chính là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

92. Tham gia thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng (B-NHA-002126-TT)

a) Quy định cách thức thực hiện: Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước (gọi là ngân hàng đề nghị tham gia thanh toán bù trừ điện tử) khi có nhu cầu tham gia thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng gửi hồ sơ theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến trụ sở NHNN chi nhánh cấp tỉnh nơi ngân hàng đề nghị tham gia thanh toán bù trừ điện tử mở tài khoản;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Bỏ yêu cầu nộp "*Giấy cam kết thực hiện các quy định có liên quan khi trở thành ngân hàng thành viên tham gia thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng*" trong thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1, Điều 8, Quyết định số 457/2003/QĐ-NHNN ngày 12 tháng 5 năm 2003;

d) Quy định thời hạn giải quyết TTHC là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

đ) Về yêu cầu, điều kiện:

- Quy định yêu cầu đối với thành viên tham gia thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng vào Quyết định số 457/2003/QĐ-NHNN;

- Chuyển các yêu cầu điều kiện của TTHC đang được quy định tại văn bản số 83/QĐ-NH2 ngày 09 tháng 4 năm 1996 vào Quy trình kỹ thuật nghiệp vụ thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 457/2003/QĐ-NHNN ngày 12 tháng 5 năm 2003 của Thống đốc NHNN.

93. Các thủ tục:

- Cấp mã ngân hàng trong hoạt động, nghiệp vụ qua Ngân hàng Nhà nước (B-NHA-001613-TT);

- Cấp mã ngân hàng cho quỹ tín dụng nhân dân cơ sở trên địa bàn (B-NHA-030777-TT)

a) Quy định nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua bưu điện đến Cục Công nghệ tin học NHNN Việt Nam;

b) Bỏ yêu cầu cung cấp thông tin về ngân hàng trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp mã ngân hàng.

94. Các thủ tục:

- Hủy mã ngân hàng trong hoạt động, nghiệp vụ qua Ngân hàng Nhà nước (B-NHA-001643-TT);

- Hủy bỏ mã ngân hàng của quỹ tín dụng nhân dân cơ sở trên địa bàn (B-NHA-032377-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Cục Công nghệ tin học NHNN Việt Nam;

b) Bỏ yêu cầu cung cấp thông tin về ngân hàng trong thành phần hồ sơ đề nghị hủy mã.

95. Các thủ tục điều chỉnh thông tin ngân hàng:

- Điều chỉnh thông tin ngân hàng của đối tượng được cấp mã ngân hàng (B-NHA-001672-TT);

- Điều chỉnh thông tin ngân hàng khi Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có sự thay đổi (B-NHA-032449-TT);

Quy định nộp hồ sơ trực tiếp gửi hồ sơ qua bưu điện hoặc gửi qua mạng internet đến NHNN Việt Nam (Cục Công nghệ tin học).

96. Cấp chứng thư số (B-NHA-001433-TT)

a) Bỏ yêu cầu nộp "*Bản sao hợp lệ Quyết định thành lập của tổ chức quản lý thuê bao*" tại khoản 2, Điều 7, Quyết định số 04/2008/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 02 năm 2008;

b) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ đến Cục Công nghệ tin học NHNN Việt Nam qua bưu điện.

c) Sửa Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-NHNN "Giấy đề nghị cấp chứng thư số": Nêu cụ thể cấp xác nhận vào mẫu đơn là Hội sở chính hoặc chi nhánh nơi làm việc của thuê bao.

97. Gia hạn chứng thư số (B-NHA-001438-TT)

a) Bỏ văn bản đề nghị gia hạn trong thành phần hồ sơ quy định tại khoản 2, Điều 8, Quyết định số 04/2008/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 02 năm 2008;

b) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ đến Cục Công nghệ tin học NHNN Việt Nam qua đường bưu điện.

c) Quy định thời hạn giải quyết thủ tục hành chính là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Tăng thời hạn có hiệu lực từ 01 năm lên 05 năm;

đ) Sửa mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-NHNN "Giấy Gia hạn chứng thư số": Nêu cụ thể cấp xác nhận vào mẫu đơn là Hội sở chính hoặc chi nhánh nơi làm việc của thuê bao.

98. Tạm dừng chứng thư số (B-NHA-001456-TT)

a) Quy định nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua bưu điện đến Cục Công nghệ tin học NHNN Việt Nam;

b) Sửa mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-NHNN "Giấy Đề nghị tạm dừng chứng thư số": Nêu cụ thể cấp xác nhận vào mẫu đơn là Hội sở chính hoặc chi nhánh nơi làm việc của thuê bao.

99. Khôi phục chứng thư số (B-NHA-001448-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Công nghệ tin học NHNN Việt Nam;

b) Hủy bỏ văn bản đề nghị khôi phục chứng thư số quy định tại khoản 2, Điều 15 Quyết định 04/2008/QĐ-NHNN;

c) Quy định thời hạn giải quyết thủ tục hành chính là 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Sửa mẫu số 04 ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-NHNN "Giấy Đề nghị khôi phục chứng thư số": Nêu cụ thể cấp xác nhận vào mẫu đơn là Hội sở chính hoặc chi nhánh nơi làm việc của thuê bao.

100. Thu hồi chứng thư số (B-NHA-001440-TT)

a) Quy định nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ đến Cục Công nghệ tin học NHNN Việt Nam qua đường bưu điện;

b) Sửa mẫu số 05 ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-NHNN "Giấy đề nghị thu hồi chứng thư số": Nêu cụ thể cấp xác nhận vào mẫu đơn là Hội sở chính hoặc chi nhánh nơi làm việc của thuê bao.

101. Thay đổi cặp khóa (B-NHA-001460-TT)

a) Bỏ yêu cầu nộp văn bản đề nghị thay đổi cặp khóa trong thành phần hồ sơ đề nghị thay đổi quy định tại khoản 2, Điều 11, Quyết định số 04/2008/QĐ-NHNN;

b) Quy định nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ đến Cục Công nghệ tin học NHNN Việt Nam qua đường bưu điện.

c) Sửa mẫu số 06 ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-NHNN "Thay đổi cặp khóa": Nêu cụ thể cấp xác nhận vào mẫu đơn là Hội sở chính hoặc chi nhánh nơi làm việc của thuê bao.

102. Đăng ký kế hoạch và báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất tiền vay ngắn hạn (B-NHA-034764-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

IV. THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

103. Các thủ tục:

- Tặng thưởng Huân chương Sao vàng (B-NHA-047111-TT);
- Tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh (B-NHA-047389-TT);
- Tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất (B-NHA-047542-TT);
- Tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì (B-NHA-047595-TT);
- Tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba (B-NHA-047616-TT);
- Tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất (B-NHA-047629-TT);
- Tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì (B-NHA-047642-TT);
- Tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (B-NHA-047652-TT);
- Tặng thưởng Huân chương Dũng cảm (B-NHA-047843-TT);
- Tặng thưởng Huân chương Hữu nghị (B-NHA-047844-TT);
- Tặng thưởng Huy chương Hữu nghị (B-NHA-047848-TT);

- Tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lao động (B-NHA-048211-TT);

- Tặng thưởng Bằng khen Thủ tướng Chính phủ (B-NHA-047864-TT)

a) Bỏ yêu cầu nộp Quyết định tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" (đối với cá nhân) và "Tập thể lao động xuất sắc" (đối với tập thể) của Thủ trưởng đơn vị thuộc thành phần hồ sơ xét tặng quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 30 và khoản 1, Điều 31 Quy chế Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 40/2006/QĐ-NHNN ngày 17 tháng 8 năm 2006;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

104. Tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc (B-NHA-046545-TT)

Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

105. Tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua Ngành ngân hàng (B-NHA-046564-TT)

Bỏ yêu cầu nộp Quyết định tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở của Thủ trưởng đơn vị trong thành phần hồ sơ đề nghị quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 29 Quy chế Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 40/2006/QĐ-NHNN ngày 17 tháng 8 năm 2006.

106. Tặng Cờ thi đua của Chính phủ (B-NHA-046568-TT)

Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

107. Tặng thưởng Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước (B-NHA-046743-TT)

Bỏ yêu cầu nộp Quyết định tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" (đối với tập thể) của Thủ trưởng đơn vị trong thành phần hồ sơ đề nghị quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 29, Quy chế Thi đua, khen thưởng ngành Ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 40/2006/QĐ-NHNN ngày 17 tháng 8 năm 2006.

108. Tặng thưởng Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (B-NHA-047867-TT)

Bỏ yêu cầu nộp Quyết định tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" (đối với cá nhân) và "Tập thể lao động xuất sắc" (đối với tập thể) trong thành phần hồ sơ đề nghị.

109. Khen thưởng cán bộ có quá trình công hiến lâu dài trong ngành Ngân hàng (B-NHA-047872-TT)

Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

Phần B

TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

I. ĐỐI VỚI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT, PHÁP LỆNH

Giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ vào thời hạn, tiến độ do Thủ tướng Chính phủ quyết định, chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan xây dựng Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối năm 2005 để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 6 và khoản 9 mục II phần A của Phương án đơn giản hóa này.

II. ĐỐI VỚI CÁC PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN SỬA ĐỔI LUẬT, PHÁP LỆNH

Giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định liên quan tại các nghị định sau đây, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011:

- Nghị định số 174/1999/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng; Nghị định số 64/2003/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 174/1999/NĐ-CP để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 11, 16 mục II phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 72, 77 mục III phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 6, 9 mục II phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Nghị định số 174/1999/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 1999 để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 17 mục II phần A của Phương án đơn giản hóa này.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định liên quan tại Quyết định số 140/2000/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý tiền nước ngoài có chung biên giới tại khu vực biên giới và khu vực kinh tế cửa khẩu Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 5 mục II phần A của Phương án đơn giản hóa này, trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

3. Xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại các văn bản sau và ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011:

- Thông tư số 01/1999/TT-NHNN7 ngày 16 tháng 4 năm 1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về hướng dẫn quản lý ngoại hối đối với đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 8 mục II phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 04/1999/TT-NHNN5 ngày 02 tháng 11 năm 1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về việc thành lập công ty chứng khoán của ngân hàng thương mại để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 25 mục III phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 01/2001/TT-NHNN ngày 19 tháng 01 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn quản lý ngoại hối đối với đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư số 04/2005/TT-NHNN ngày 26 tháng 8 năm 2005 sửa đổi, bổ sung khoản 6 mục II Thông tư số 01/2001/TT-NHNN ngày 19 tháng 01 năm 2001 hướng dẫn quản lý ngoại hối đối với đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 22 mục II phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 07/2001/TT-NHNN ngày 31 tháng 8 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tiền của nước có chung biên giới tại khu vực biên giới và khu vực kinh tế cửa khẩu để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 20 mục II phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 06/2002/TT-NHNN ngày 23 tháng 12 năm 2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 79/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty tài chính để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 48, 52 mục III phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 10/2003/TT-NHNN ngày 16 tháng 9 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 174/1999/NĐ-CP ngày 09

tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng và Nghị định số 64/2003/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 174/1999/NĐ-CP để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 16 mục II phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 09/2004/TT-NHNN ngày 21 tháng 12 năm 2004 hướng dẫn việc vay và trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 7 mục II phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 04/2005/TT-NHNN ngày 26 tháng 8 năm 2005 sửa đổi, bổ sung khoản 6 Mục III Thông tư số 01/2001/TT-NHNN ngày 19 tháng 01 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 21 mục II Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 06/2005/TT-NHNN ngày 12 tháng 10 năm 2005 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính và Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ Quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 53 mục III phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 03/2007/TT-NHNN ngày 05 tháng 6 năm 2007 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 22/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, văn phòng đại diện TCTD nước ngoài tại Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 37, 38, 39, 40, 44 mục III của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 03/2008/TT-NHNN ngày 11 tháng 4 năm 2008 về hoạt động cung ứng dịch vụ ngoại hối của TCTD để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 12 mục II của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 02/2008/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2008 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 28/2005/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam và Nghị định số 165/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 28/2005/NĐ-CP để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 62, 63, 64 mục III của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 03/2009/TT-NHNN ngày 02 tháng 3 năm 2009 quy định về việc cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

đối với các ngân hàng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 66, 68, 69 mục III của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 08/2009/TT-NHNN ngày 28 tháng 4 năm 2009 hướng dẫn về mạng lưới hoạt động của các tổ chức tài chính quy mô nhỏ hoạt động tại Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 42, 43, 55 mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 01/2001/TT-NHNN ngày 19 tháng 01 năm 2001 về quản lý ngoại hối đối với hoạt động và Thông tư số 04/2005/TT-NHNN ngày 26 tháng 8 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung khoản 6 Mục III Thông tư số 01/2001/TT-NHNN để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 22 mục II Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

4. Ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều của các nghị định sau đây và ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011:

- Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 5, khoản 13, khoản 9 mục II Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Nghị định số 28/2005/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2005, Nghị định số 165/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2007 để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 62 mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này.

5. Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật phù hợp để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định liên quan tại các văn bản sau đây theo đúng nội dung đơn giản hóa thủ tục được dẫn chiếu kèm theo, hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011:

- Quyết định số 13/2008/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy định về mạng lưới hoạt động của Ngân hàng thương mại để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 28 Mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 935/2004/QĐ-NHNN ngày 23 tháng 7 năm 2004 (sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 8) để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 4 mục I Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 92/2000/QĐ-NHNN7 ngày 17 tháng 3 năm 2000 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt đối với cá nhân xuất nhập cảnh bằng giấy thông hành xuất nhập cảnh hoặc giấy

chứng minh biên giới để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 14 mục II Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 689/2004/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 6 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc ban hành Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ tại khu vực biên giới và khu kinh tế cửa khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc (sửa đổi, bổ sung Điều 10) để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 15 mục II Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN ngày 11 tháng 7 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Ban hành Quy chế đại lý đổi ngoại tệ (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Chương II) để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 18 mục II Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 845/2004/QĐ-NHNN ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Ban hành Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ, đầu tư và viện trợ giữa Việt Nam và Lào (sửa đổi khoản 3 Điều 3) để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 19 mục II Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 17/2004/QĐ-NHNN ngày 05 tháng 01 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Ban hành Quy chế thanh toán trong việc mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia (sửa đổi khoản 1 Điều 8) để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 20 mục II Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 24/2007/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Ban hành Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần (sửa đổi, bổ sung Điều 10) để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 23, 24, 25, 32, 33 mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 1389/2001/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 11 năm 2001 (bổ sung quy định cụ thể cách thức thực hiện nộp hồ sơ, số bộ hồ sơ phải nộp; bãi bỏ khoản 2, Điều 3) để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 26 mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 951/2003/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 8 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước (sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 5, 6, 8, Điều 4) để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 27 mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 13/2008/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2008 để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 28, 29, 30 mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 1087/2001/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 8 năm 2001 của Ngân hàng Nhà nước về Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần của Nhà nước và nhân dân để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 36, 48 mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 40/2007/QĐ-NHNN ngày 02 tháng 11 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động TCTD phi ngân hàng cổ phần để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 46, 47 mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 516/2003/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 5 năm 2003 của Ngân hàng Nhà nước quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) TCTD phi ngân hàng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 49 mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 731/2004/QĐ-NHNN ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy chế tạm thời về hoạt động cho thuê vận hành của các Công ty cho thuê tài chính để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 56 mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 1096/2004/QĐ-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2004 của Ngân hàng Nhà nước về ban hành Quy chế hoạt động bao thanh toán các TCTD và Quyết định 30/2008/QĐ-NHNN ngày 16 tháng 10 năm 2008 của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1096/2004/QĐ-NHNN để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 57 mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 01/2008/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 01 năm 2008 của Ngân hàng Nhà nước về quy định việc mở và chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của TCTD phi ngân hàng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 58, 60, 61 mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 24/2006/QĐ-NHNN ngày 06 tháng 6 năm 2006 của Ngân hàng nhà nước ban hành quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân, mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân hàng nhà nước để thực hiện nội dung đơn giản hóa

thủ tục nêu tại các khoản 70, 73, 77, 78, 79, 80, 81,83 mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 26/2008/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 9 năm 2008 của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 24/2006/QĐ-NHNN ngày 06/6/2006 để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 71, 73 mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 05/2007/QĐ-NHNN ngày 30 tháng 01 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 71, 73, 74, 75, 76, 80 mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 38/2007/QĐ-NHNN ngày 30 tháng 10 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cấp, sử dụng và quản lý mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 85 mục IV Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước về Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng; văn bản số 7503/NHNN-BTT ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước về hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thẻ ngân hàng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 87 mục IV Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 1284/2002/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 11 năm 2002 của Ngân hàng Nhà nước về ban hành Quy chế mở và sử dụng tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và TCTD để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 88 mục IV Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 309/2002/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 4 năm 2002 của Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế thanh toán Điện tử liên ngân hàng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 91 mục IV Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 457/2003/QĐ-NHNN ngày 12 tháng 5 năm 2003 của Ngân hàng Nhà nước về về việc ban hành Quy trình kỹ thuật nghiệp vụ thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng, văn bản số 83/QĐ-NH2 ngày 09/4/1996 của Ngân hàng Nhà nước về Quy chế Ngân hàng thành viên tham gia thanh toán điện tử liên ngân hàng

để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 92 mục V của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 23/2007/QĐ-NHNN ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước về Quy định về hệ thống mã ngân hàng dùng trong hoạt động, nghiệp vụ ngân hàng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 93, 94 mục V Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 04/2008/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 02 năm 2008 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế cấp phát, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 96, 97, 103 mục V Phần A của Phương án đơn giản hóa này.

- Công văn số 11990/NHNN-TĐKT ngày 13 tháng 11 năm 2007 (khoản 3 phần III) để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 109 mục V Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Công văn số 7129/QT-NHNN ngày 08 tháng 8 năm 2008 về Quy trình nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá dưới hình thức ghi sổ của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 1 mục I Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Công văn số 86/CV-NHNN ngày 25 tháng 01 năm 2000 của Ngân hàng Nhà nước về việc xuất nhập ngoại tệ tiền mặt để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 6 mục II Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Công văn số 10876/QT-NHNN ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Sở Giao dịch thuộc Ngân hàng Nhà nước về quy trình nghiệp vụ thị trường mở để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 3 mục I Phần A của Phương án đơn giản hóa này.

6. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Thông tư liên tịch thay thế Quyết định số 787/2008/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 6 năm 2004 của Ngân hàng Nhà nước về đăng ký niêm yết và phát hành cổ phiếu ra công chúng của các Ngân hàng thương mại cổ phần để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 34 mục II Phần A của Phương án đơn giản hóa này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng